

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+P2+BK10	7:25	20+0+0	0+0+0		18+3+0	0+0+0	TRANS 1 PAX P2-BK10
2		MRM+CTK3+VSP02	9:25	13+4+0	0+0+0		13+2+6	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14-Mar-18	TO: RP2 - P2 - BK10	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - MTuấn - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

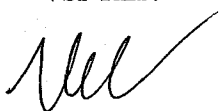
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH VAN BAU	RP2	39	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
2	LE VAN HUNG	RP2	68-69	2	19		68	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN HUU THINH	RP2	59-60	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese
4	VU DINH DAI	RP2	64-65	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN DANG HUAN	RP2	54-55	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI THE HAI	RP2	50	1	12		85	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG TRINH ANH	RP2	61	1	17		71	XAYLAP	Vietnamese
8	PHUNG QUANG DAI	RP2	48-49	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
9	TA VAN CUONG	RP2	40-41	2	14		71	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM NGOC THANG	RP2	45-47	3	20		66	XAYLAP	Vietnamese
11	HA TUAN DUNG	RP2	43-44	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG HUNG	RP2	63	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN VAN DUONG	RP2	56-57	2	12		62	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN DUC TUAN	RP2	42	1	10		51	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN MINH HUNG	RP2	51	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DAU	RP2	53	1	14		66	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN SY MY	RP2	66	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM VIET HUU	RP2	52	1	12	52	55	XAYLAP	Vietnamese
19	LE DINH HIEU	RP2	67	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM VAN TAN	RP2	62	1	11		66	XAYLAP	Vietnamese
21	MAI XUAN PHI	RP2	58	1	8		58	H-DONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	21	31	308	1.387	52	18		CHUYEN 1 PAX TU P2 SANG BK10
2	P2	0	0	0	0	0	3		
3	BK10	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	31	308	1.387	52	21		
WEIGHT KG				308	1.387	52			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

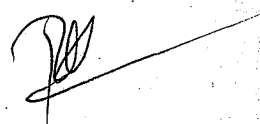
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14-Mar-18	TO: MRM - CTK3 - VSP02	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - MTuấn - Năm	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUNG DUNG	MRM	45	1	11		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG	MRM	47	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN VAN THUAT	MRM	46	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HUU HA	MRM	50	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
5	DOBROVOLSKIY OLEG	MRM	42	1	15	32	89	KHOAN	Russian
6	NGUYEN NGOC SON	MRM	39	1	14		65	KHOAN	Vietnamese
7	VU MANH NAM	MRM	38	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN QUOC HUONG	MRM	35	1	12		103	KHOAN	Vietnamese
9	VO HUU NHAN	MRM	48-49	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
10	KPAKHMAL MAKSIM	MRM	36-37	2	13		80	KHOAN	Russian
11	VU THE HUNG	MRM	44	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
12	VASILIK ALEKSEI	MRM	41	1	6		103	KHOAN	Russian
13	KHACHENKO IGOR	MRM	40	1	5		80	KHOAN	Russian
14	TRAN LAM THO	MRM	43	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN NGOC BINH	CTK3	86	1	5		75	SAN BAY	Vietnamese
16	NGUYEN BINH LONG	CTK3	32	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM QUOC CUONG	CTK3	31	1	5	64	75	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VIET HUNG	CTK3	33	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	14	16	143	1.046	32	11		
2	CTK3	4	4	19	295	64	2		
3	VSP02	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		18	20	162	1.341	96	19		
WEIGHT KG				162	1.341	96			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về		Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+JS2+BK6	7:25	4+18+0	0+0+0		2+19+1	0+0+0	
2		CLO+P11+P5	7:25	13+0+7	0+0+0		4+4+7	0+0+0	
3		JS2+TD1+RP2+RP3	9:25	6+13+0	0+0+0		1+18+3	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/03/2018	TO: TD2 - JS2 - BK6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - CHIÊN - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

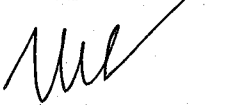
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	TD2	02-03	2	17	12	84	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN TAM	TD2	05	1	10	36	65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG VU	TD2	04	1	13		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN AN NINH	TD2	01	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC LÊ	JS2	04	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ QUANG CUÔNG	JS2	07	1	13	9	75	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM HỮU HUÂN	JS2	52	1	13		67	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ XUÂN THỊNH	JS2	55	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU TRUNG	JS2	54	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
10	LƯƠNG HÙNG TRIẾT	JS2	53	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ HẢI NGẠN	JS2	56	1	9		59	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ THANH TỰ	JS2	57	1	7	18	72	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐẠI HÙNG	JS2	58	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
14	DANG QUANG MINH	JS2	08	1	18	6	63	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ NHỎ CANG	JS2	96	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
16	LAI HUU HOANG	JS2	01	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN VAN KHOA	JS2	95	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TRUNG	JS2	05-06	2	13		80	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN MINH	JS2	02-03	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
20	KIM VĂN TÍNH	JS2	97-98	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ PHÚC HOANG	JS2	59-60	2	14		82	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN MINH TOÀN	JS2	99,400	2	17		78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

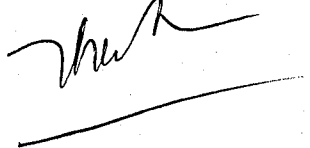
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	4	5	55	302	48	2		
2	JS2	18	23	214	1.254	33	19		
3	BK6	0	0	0	0	10	1		
TOTAL		22	28	269	1.556	91	22		
WEIGHT KG				269	1.556	91			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

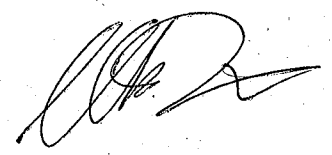
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15-Mar-18	TO: CLO - P11 - P5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Thủy - LBình - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI QUANG TUYNH	CLO	27	1	6	45	56	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN TRINH QUOC VUONG	CLO	57-58	2	20		76	KHOAN	Vietnamese
3	VU HAI LONG	CLO	28	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUNG	CLO	29-30	2	16		70	KHOAN	Vietnamese
5	VU HUU KE	CLO	53-54	2	14		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGO THUAN THANH	CLO	55-56	2	13		75	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN HIEU	CLO	46	1	5		75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN QUOC	CLO	48-49	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG THANH BINH	CLO	23-24	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
10	LE HOANG SON	CLO	50-51	2	11		70	XAYLAP	Vietnamese
11	DUONG TRUNG DUNG	CLO	59,22	2	14		79	XAYLAP	Vietnamese
12	NGO DUY DONG	CLO	47	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG HOAN	CLO	52	1	4		77	DVL	Vietnamese
14	VO QUOC TUAN	CLO	25-26	2	19		82	XAYLAP	Vietnamese
15	TRUONG VAN DUC	P5	22-23	2	14		71	XAYLAP	Vietnamese
16	DUONG MINH HOANG	P5	24	1	11		64	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐANG VAN NAM	P5	27-28	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐAO QUYET THANG	P5	21	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VU NAM	P5	29	1	8		76	XAYLAP	Vietnamese
20	HO NGUYEN HAU	P5	30-31	2	19		56	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN VIET CUONG	P5	25-26	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	14	23	178	1.000	45	5		
2	P11	0	0	0	0	5	4		
3	P5	7	11	99	476	0	7		
TOTAL		21	34	277	1.476	50	16		
WEIGHT KG				277	1.476	50			

GRAND TOTAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15-Mar-18	TO: JS2 - TD1 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - HIẾU	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIẾU TUẤN ANH	TD1	51	1	8		85	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THỤ	TD1	61	1	12	15	65	DVL	Vietnamese
3	LUU BA XÔ	TD1	54	1	13		75	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN CHI LINH	TD1	53	1	7		82	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NAM(KS)	TD1	55	1	12		75	DVL	Vietnamese
6	MESHKOV M.Y	TD1	56	1	10		75	DVL	Russian
7	NGUYỄN CAO TRI	RP2	14-15	2	11		72	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC MINH	RP2	16	1	15		83	XAYLAP	Vietnamese
9	LUU DUC THỊNH	RP2	08-09	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN HUU QUYNH	RP2	17-18	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
11	DANG MINH HUNG	RP2	19	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VŨ HỘI	RP2	04	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TRÁ	RP2	13	1	6		83	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN KHÁC QUANG	RP2	10-11	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐAO HUU TUYẾN	RP2	05-06	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN BANG	RP2	03	1	7		73	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN TRUNG QUYEN	RP2	01-02	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THUY	RP2	12	1	17		62	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC THẾ	RP2	07	1	13		61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	0	0	0	0	82	0		
2	TD1	6	6	62	457	15	1		
3	RP2	13	19	180	894	0	18		
4	RP3	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		19	25	242	1.351	97	22		
WEIGHT KG				242	1.351	97			

GRAND TOAL: 1.690 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+BK3+TTC2	7:25	17+5+0	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
2		P7+PPD+TD5	7:25	10+10+2	0+0+0		10+0+12	0+0+0	
3		P4+P7+BK3	9:25	14+4+4	0+0+0		14+1+7	0+0+0	
4		BK6+P3+PPD	9:25	6+0+14	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYỂN 8 PAX TỪ BK6-P3

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18-Mar-18	TO: RP3 - BK3 - TTC2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - MTuấn - HUY	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IREK VALEEV	RP3	73	1	4		83	KH-THAC	Russian
2	ILDAR GALLIAMOV	RP3	64	1	3		67	KH-THAC	Russian
3	REVIKIN V.N	RP3	80	1	10		107	KHI	Russian
4	HA VAN THUY	RP3	65	1	5		75	KHI	Vietnamese
5	LE NHU NGUYEN	RP3	76-77	2	12		61	KHI	Vietnamese
6	PHAM VAN KY	RP3	67	1	3		68	KHI	Vietnamese
7	PHAM QUOC KHANH	RP3				30	88	KHI	Vietnamese
8	HOANG VAN HAI	RP3	75	1	10		63	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN VINH	RP3	68	1	5		76	KHI	Vietnamese
10	NGO THANH LAM	RP3	69	1	3		72	KHI	Vietnamese
11	PALYSEV V.A	RP3	74	1	12		87	KHI	Russian
12	NGUYEN THANH TUNG	RP3	66	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VIET KY	RP3	71	1	3		66	KHI	Vietnamese
14	NGO NGOC HAN	RP3	72	1	5		60	KHI	Vietnamese
15	ACTAKOV A.N	RP3					90	KHI	Russian
16	LE XUAN HIEN	RP3	70	1	3		75	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN HOANH DUNG	RP3	79	1	3	25	76	KHI	Vietnamese
18	TRAN THANH TUNG	BK3	43	1	7		73	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN KIM HUONG	BK3	92	1	15		57	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI VAN THINH	BK3	95	1	13		69	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN DINH PHU	BK3	41-42	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
22	HA HUU THAI	BK3	96-97	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	16	86	1.284	55	16		
2	BK3	5	7	68	340	0	2		
3	TTC2	0	0	0	0	46	4		
TOTAL		22	23	154	1.624	101	22		
WEIGHT KG				154	1.624	101			

GRAND TOTAL: 1.879 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2018	TO: P7 - PPD - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - MMinh - DTùng	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY DUẬN	P7	92	1	16		60	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN ĐÌNH THẮNG	P7	89-90	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN THANH TUYẾN	P7	97,99	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẠO QUỐC HÙNG	P7	76	1	18		60	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI ĐÌNH THU	P7	91	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VINH PHONG	P7	88	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NAM HOANG	P7	98	1	8		55	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ THANH LONG	P7	93-94	2	15		85	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẠO QUỐC OAI	P7	87	1	13		78	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG QUYNH	P7	95-96	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	68	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC HÙNG	PPD	69	1	7		75	KHI	Vietnamese
13	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	62	1	7		70	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	67	1	5		80	KHI	Vietnamese
15	VŨ VĂN QUYÊN	PPD	70	1	4	40	63	KHI	Vietnamese
16	NGÔ SỸ THANH	PPD	66	1	4		90	KHI	Vietnamese
17	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	64-65	2	10		70	KHI	Vietnamese
18	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	63	1	4		77	KHI	Vietnamese
19	TRẦN LÊ RẰNG	PPD	60-61	2	10		85	KHI	Vietnamese
20	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD					80	KHI	Vietnamese
21	LÊ VĂN THẮNG	TD5	02	1	12		67	DVL	Vietnamese
22	TÀ MINH UY	TD5	01	1	13	20	60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	10	14	148	673	0	10		
2	PPD	10	11	55	760	40	0		
3	TD5	2	2	25	127	20	12		
TOTAL		22	27	228	1.560	60	22		
WEIGHT KG				228	1.560	60			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18-Mar-18	TO: P7 - P4 - BK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Nam - MTuán - HUY	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN DUNG	P7	64-65	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN CANH LUYEN	P7	68-69	2	16		66	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN DINH TUAN	P7	66	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
4	HA MANH DUNG	P7	67	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
5	IAKINMENKO V.A	P4	49-50	2	11		112	KHI	Russian
6	OKOVANSEV G.P	P4	53	1	10		116	KHI	Russian
7	NGUYEN VAN NAM	P4					62	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG HA	P4	39	1	4		70	KHI	Vietnamese
9	PHAM QUOC DUY	P4	46	1	5		63	KHI	Vietnamese
10	LE VAN MANH	P4	42	1	5	27	59	KHI	Vietnamese
11	LE VAN HOAN	P4	41	1	2		70	KHI	Vietnamese
12	TA VAN QUYNH	P4					75	KHI	Vietnamese
13	TRAN VAN PHUC	P4	51-52	2	11		70	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THINH	P4	40	1	6		75	KHI	Vietnamese
15	TRAN DAI	P4	47	1	5	25	73	KHI	Vietnamese
16	DUONG DINH HIEN	P4	45	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	LE QUANG VINH	P4	54	1	8	38	66	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN SON	P4	48	1	4		59	PSV	Vietnamese
19	LE DUC THO	BK3	98	1	11		73	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN DUC CHIN	BK3	47-48	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
21	DO VAN TUYEN	BK3	44-45	2	12		79	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN DUC TOAN	BK3	46	1	11		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	4	6	56	271	0	1		
2	P4	14	14	76	1.040	90	14		
3	BK3	4	6	52	282	0	7		
TOTAL		22	26	184	1.593	90	22		
WEIGHT KG				184	1.593	90			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2018	TO: BK6 - P3 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Phong - MMinh - DTung	ETA: 11:25
DO-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHUDAEV	BK6	47	1	10		70	XAYLAP	Russian
2	TRAN DOAN DOAN	BK6	45	1	13		60	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN PHI BANG	BK6	48-49	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN BA DIEN	BK6				65	79	XAYLAP	Vietnamese
5	LE QUANG HUNG	BK6	50	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
6	VU THE CHUYEN	BK6	44	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VIET DAI	PPD					75	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN QUANG	PPD	13	1	6		68	KHI	Vietnamese
9	TRAN HUYNH ANH PHONG	PPD	12	1	5		68	KHI	Vietnamese
10	NGO XUAN HUONG	PPD	09	1	6		73	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN MINH HOANG	PPD	03	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	DO VAN TUAN	PPD	04	1	5		75	KHI	Vietnamese
13	TRAN QUOC HUNG	PPD	06	1	5	20	57	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TU	PPD	10	1	10		75	KHI	Vietnamese
15	LE TRUNG LAN	PPD	11	1	7		80	KHI	Vietnamese
16	VU VAN SONG	PPD	05	1	3		75	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	08	1	5		75	KHI	Vietnamese
18	TRAN VAN NAM	PPD	14	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	GARYFULIN	PPD	02	1	6		85	KH-THAC	Russian
20	TRAN VAN MANH	PPD	07	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	6	6	68	417	65	0	18	CHUYEN 8 PAX BK6 SANG P3
2	P3	0	0	0	0	0	0		
3	PPD	14	13	73	994	20	22		
TOTAL		20	19	141	1.411	85	22		
WEIGHT KG				141	1.411	85			

GRAND TOAL: 1.637 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN